

Số: 1241/LĐLĐ

Lai Châu, ngày 02 tháng 6 năm 2023

V/v Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 21-CT/TW của
Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ
trong tình hình mới

Kính gửi: - Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố;
- Các Công đoàn Ngành, Công đoàn Viên chức.

Thực hiện Công văn số 1390-CV/TU ngày 16/5/2023 của Tỉnh ủy Lai Châu về sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới; Công văn 823/LĐLĐ, ngày 27/02/2018 của LĐLĐ tỉnh về việc quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới; Kế hoạch số 524/KH-LĐLĐ, ngày 17/4/2018 về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;. Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh yêu cầu các cấp công đoàn triển khai thực hiện một số nội dung như sau:

1. Các cấp công đoàn trong tỉnh tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới bằng văn bản gửi về LĐLĐ tỉnh qua (Ban Tuyên giáo - Nữ công) trước ngày 20/7/2023.

(Có đề cương và phụ lục gửi kèm)

2. Giao Ban Tuyên giáo – Nữ công tham mưu, xây dựng báo cáo 05 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới trình Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời báo cáo về LĐLĐ tỉnh (qua Ban Tuyên giáo - Nữ công), số điện thoại: 02133.792.898.

Nơi nhận:

- Tổng LĐLĐ Việt Nam;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Các LĐLĐ huyện, thành phố, CDN, CĐVC;
- Lưu: VT, TgNc.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trinh

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư (khoá XII) về đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới
(Kèm theo Công văn số 1241/LĐLĐ, ngày 02/6/2023 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Lai Châu)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 21-CT/TW

I- KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát đặc điểm tình hình; những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc triển khai và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW trong 5 năm qua.

II- KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 21-CT/TW

1. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW

- Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị số 21-CT/TW.
- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện.
- Công tác kiểm tra, đánh giá; sơ kết; phát hiện, biểu dương, khen thưởng nhân rộng điển hình.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Chỉ thị số 21-CT/TW

2.1. Hoàn thiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển toàn diện

- Kết quả triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới, các văn bản pháp luật có liên quan; công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong thực hiện luật pháp, chính sách liên quan tới phụ nữ, bình đẳng giới, gia đình và trẻ em.

- Kết quả xây dựng và thực hiện các chính sách đặc thù hỗ trợ phụ nữ ở vùng cao, vùng sâu, biên giới, phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật, đơn thân, cao tuổi, phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ, lao động nữ di cư, chuyển đổi nghề.

- Khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, thành lập hợp tác xã, tổ liên kết do phụ nữ làm chủ.

- Tạo điều kiện để phụ nữ được tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiên cứu khoa học, tiếp cận với khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển của đất nước.

- Đổi mới, kiện toàn bộ máy thực hiện nhiệm vụ bình đẳng giới, gia đình và trẻ em, bảo đảm liên thông, tinh gọn, hiệu quả.

- Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Hội Liên hiệp Phụ nữ

tinh, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong thực hiện công tác phụ nữ và bình đẳng giới.

2.2. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao.
- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, tôn vinh nhằm khơi dậy tiềm năng, trí tuệ, sức sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, khát vọng của đội ngũ nữ lãnh đạo quản lý, nữ trí thức, nữ cán bộ khoa học, nữ doanh nhân...
- Đẩy mạnh việc xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Mở rộng, nâng cao chất lượng hoạt động trợ giúp pháp lý, tư vấn hỗ trợ hôn nhân và gia đình.
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe phụ nữ; quan tâm vấn đề dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em.
- Xây dựng chương trình giáo dục quốc gia về gia đình, chú trọng giáo dục sớm, giáo dục tiền hôn nhân. Phát triển hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non.
- Kiên quyết đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội, xử lý nghiêm minh các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ và trẻ em gái.

2.3. Công tác cán bộ nữ

- Quan tâm tạo nguồn cán bộ nữ trẻ, nữ dân tộc thiểu số; hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển đối với một số nhóm phụ nữ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phù hợp trong từng giai đoạn.
- Kết quả thực hiện chỉ tiêu “*Phấn đấu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp đạt từ 25% trở lên; nữ đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp từ 35% đến 40%. Các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên, nhất thiết có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ*”.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

- 1. Ưu điểm**
- 2. Hạn chế và nguyên nhân**
- 3. Một số kinh nghiệm**

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

I- DỰ BÁO TÌNH HÌNH HÀNH ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC PHỤ NỮ TRONG THỜI GIAN TỚI

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

III- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

PHỤ LỤC 2

Thông kê tình hình cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện, cấp tỉnh (Kèm theo Công văn số 1241/LĐLĐ, ngày 02/6/2023 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Lai Châu)

1. Cấp huyện

Năm	Cán bộ nữ tham gia cấp ủy ¹				Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân ¹			Cán bộ nữ Ủy ban nhân dân ¹			Số huyện đạt tỷ lệ cán bộ nữ theo NQ 11 ²		
	Ban Chấp hành ³	Ban TV ⁴	Bí thư	Phó Bí thư	Tổng số ⁵	Chủ tịch	Phó Chủ tịch	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Lãnh đạo các phòng trực thuộc ⁶	CB nữ tham gia cấp ủy đạt từ 25% trở lên	Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân từ 35% đến 40%	Có lãnh đạo chủ chốt là nữ ⁷
2018	.../... (...%)	.../... (...%)			.../... (...%)					.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)
2019	.../... (...%)	.../... (...%)			.../... (...%)					.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)
2020	.../... (...%)	.../... (...%)			.../... (...%)					.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)
2021	.../... (...%)	.../... (...%)			.../... (...%)					.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)
2022	.../... (...%)	.../... (...%)			.../... (...%)					.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)
Quý I/2023	.../... (...%)	.../... (...%)			.../... (...%)					.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)

¹ Tính chung cán bộ cấp huyện

² Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

³ Tổng số nữ ủy viên ban chấp hành/tổng số ủy viên ban chấp hành (tỷ lệ %)

⁴ Tổng số nữ ủy viên ban thường vụ/tổng số ủy viên ban thường vụ (tỷ lệ %)

⁵ Tổng số đại biểu nữ/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân (tỷ lệ %)

⁶ Tổng số nữ trưởng và phó phòng/tổng số trưởng và phó phòng trực thuộc UBND huyện (tỷ lệ %)

⁷ Số huyện có các cơ quan, đơn vị (thuộc hệ thống chính trị cấp huyện) có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ/ tổng số huyện (và tương đương) của tỉnh

2. Cấp tỉnh

Năm	Cán bộ nữ tham gia cấp ủy				Cán bộ nữ tham gia Hội đồng nhân dân			Cán bộ nữ của Ủy ban nhân dân			Số sở, ban, ngành thuộc hệ thống chính trị tỉnh có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ/tổng số sở, ban, ngành
	<i>BCH</i> ³	<i>BTV</i> ⁴	<i>Bí thư</i>	<i>Phó BT</i>	<i>Tổng số</i> ⁵	<i>Chủ tịch</i>	<i>Phó CT</i>	<i>Chủ tịch UBND</i>	<i>Phó CT UBND</i>	<i>Lãnh đạo các sở, ngành trực thuộc</i> ⁸	
2018	.../... (...%)				.../... (...%)					.../... (...%)	
2019											
2020											
2021											
2022											
Q1/2023											

⁸ Tổng số nữ giám đốc và phó giám đốc/tổng số giám đốc và phó giám đốc các sở, ngành trực thuộc UBND tỉnh (tỷ lệ %)

PHỤ LỤC 3

Thống kê cơ cấu cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh⁹

(Kèm theo Công văn số 1241/LĐLĐ, ngày 02/6/2023 của Ban Thường vụ
LĐLĐ tỉnh Lai Châu)

Chức danh	Tổng số nữ/ tổng số nam và nữ (tỷ lệ)	Phân tích cơ cấu nữ											
		Dân tộc	Tôn giáo	Độ tuổi			Trình độ						
				Dưới 40	Từ 40 đến 50	Trên 50	Chuyên môn			Lý luận chính trị			
							Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân	
Cán bộ nữ tham gia cấp ủy, các cơ quan đảng của tỉnh/ thành phố	Ủy viên BCH												
	Ủy viên BTV												
	Bí thư												
	Phó BT												
	Trưởng các ban Đảng và tương đương												
	Phó Trưởng các ban Đảng và tương đương												
Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Chủ tịch HĐND												
	Phó CT HĐND												
	Trưởng các ban và tương đương												
	Phó trưởng các ban và												

⁹ Số liệu tính đến hết quý I/2023

PHỤ LỤC 5

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ nữ cấp huyện, cấp tỉnh
(Kèm theo Công văn số 1241/LĐLĐ, ngày 02/6/2023 của Ban Thường vụ
LĐLĐ tỉnh Lai Châu)

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng¹⁰

Năm	Cấp huyện					Cấp tỉnh				
	Bồi dưỡng nghệ p vụ	Đào tạo				Bồi dưỡng nghệ p vụ	Đào tạo			
		Chuyên môn		Lý luận chính trị			Chuyên môn		Lý luận chính trị	
		Đại học	Sau ĐH	Trung cấp	Cao cấp		Đại học	Sau ĐH	Trung cấp	Cao cấp
2018	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)
2019	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)
2020	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)
2021	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)
2022	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)
Quý I/2023	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)

2. Công tác quy hoạch

Cấp hành chính	Năm	Quy hoạch cấp ủy				Quy hoạch lãnh đạo UBND, lãnh đạo các phòng/sở/ngành trực thuộc UBND				Quy hoạch lãnh đạo HĐND	
		Ban Chấp hành	Ban Thường vụ	Bí thư	Phó Bí thư	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch UBND	Cấp trưởng các phòng/sở/ngành trực thuộc UBND	Cấp phó phòng/sở/ngành trực thuộc UBND	Chủ tịch HĐND	Phó Chủ tịch HĐND
Cấp huyện	2018	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)
	2019	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)
	2020	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)	.../... (...%)

¹⁰ Tính số cán bộ nữ được đào tạo, bồi dưỡng/tổng số cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng (tỷ lệ %)

